TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lường Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Quốc.

2. Bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Trí Danh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2025/TLST- HNGĐ ngày 06/5/2025 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 144/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị P**; Sinh ngày: 07/3/1999; Số căn cước công dân: 014199000498; Nơi cư trú: Bản T, xã T(trước là bản T, xã T, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn T**; Sinh ngày: 17/11/1992; Số căn cước công dân: 014092011441; Nơi cư trú: Bản T, xã T(trước là bản T, xã T, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La; Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 4 Trại giam số 6- Cục C10 Bộ Công an; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2025, bản tự khai tại Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La). Nguyên đơn chị Lò Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lò Văn T kết hôn với nhau từ ngày 21/12/2012 tại UBND xã M, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La (nay là xã Mường Sại, tỉnh Sơn La) kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống hoà thuận hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do anh T nghiện chất ma túy nhiều lần khuyên bảo anh T từ bỏ nhưng không nghe từ đó bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh T hiện đang chấp hành án tại trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Hiện đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị P nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La

(nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La) giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn T.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 01 con chung: Cháu Lò Đăng K, sinh ngày 20/10/2018. Nay ly hôn nguyện vọng của chị P là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về tài sản riêng: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai tại trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng và tại Trại giam số 6- Cục C10 Bộ Công an anh Lò Văn T khai xác nhận:

- Về hôn nhân: Quá trình kết hôn giữa anh và chị Lò Thị P như lời khai của chị P là đúng. Về nguyên nhân không đúng như chị P khai. Anh không đồng ý ly hôn vì quá trình chung sống với nhau thì trước khi bị bắt, vợ chồng không có mâu thuẫn gì khi nào chấp hành án xong sẽ nói chuyện với chị P.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 01 con chung đúng như chị P khai. Do không nhất trí ly hôn nên không cần phải phân chia ai nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, tài sản riêng: Do không chấp nhận ly hôn nên tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị P không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chị P đề nghị không tiến hành hòa giải và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán : Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng :

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị P: Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lò Văn T: Anh T có yêu cầu đề nghị Tòa án không xét xử vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Lò Thị P được ly hôn với anh Lò Văn T.

- *Về con chung:* Xử giao cháu Lò Đăng K, sinh ngày 20/10/2018 cho chị Lò Thị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị P.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Lò Thị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2-Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Sơn La nên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị P: Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lò Văn T: Anh T có yêu cầu đề nghị Tòa án không xét xử vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lò Thị P và anh Lò Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 21/12/2012 tại UBND xã M, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La (nay là UBND xã M, tỉnh Sơn La) kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối, đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn là do anh T nghiện chất ma túy nhiều lần khuyên bảo anh T từ bỏ nhưng không nghe từ đó bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh T hiện đang chấp hành án tại phân trại số 4 Trại giam số 6- Cục C10 Bộ Công an. Hiện đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T và chị P giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, anh T không nhất trí ly hôn với lý do quá trình chung sống với nhau thì trước khi bị bắt, vợ chồng không có mâu thuẫn gì là không có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị P ly hôn với anh T.

[3]. Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 01 con chung: Cháu Lò Đăng K, sinh ngày 20/10/2018. Nay ly hôn nguyện vọng của chị P là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T không nhất trí ly hôn nên không cần phải phân chia ai nuôi dưỡng và cấp dưỡng cháu.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét chị P có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Chị P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy hiện anh T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 6- Cục C10 Bộ Công an không thể có điều kiện chăm sóc con, việc giao cháu Lò Đăng K cho chị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu là hợp tình, hợp lý để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu có những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận, việc anh T không yêu cầu ai là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu là không đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu do đó không có căn cứ chấp nhận, sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4].Về tài sản chung: Không có.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6]. Về nợ chung: Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dung án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lò Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[8]. Về quyền kháng cáo : Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị P được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lò Đăng K, sinh ngày 20/10/2018 cho chị Lò Thị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Chị Lò Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T(nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Sơn La) theo biên lai thu số: 0002746, ngày 06/5/2025.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị P, anh Lò Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2- Sơn La(02 bản);
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Mường Sại, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

Lường Tiến Hải